

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Xyz  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 20/9/2021  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Xyz, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Thanh Phương;

- Bà Võ Thị Thanh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Xyz, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Xyz, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Xyz xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-DS ngày 08/9/2021 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tm, sinh năm 1989, địa chỉ: số 178xx, thành phố Xyz, tỉnh An Giang, có mặt.

*Bị đơn:* Ông Trương Chí Hm, sinh năm 1981, địa chỉ: số 358xxx, thành phố Xyz, tỉnh An Giang, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tm trình bày:* Bà và ông Hm tự tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Xyz, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 74/HT, quyển số 01/2007, ngày 10/10/2007. Trong thời gian chung sống sinh được 02 con chung tên Trương Pk Uk, sinh ngày 25/3/2008 và Trương Minh Pk, sinh ngày 25/5/2011. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc ở bên chồng, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm sống giữa hai vợ chồng, chồng bỏ mặc không quan tâm khi bà bệnh tật, thiếu sự thương yêu, chia sẻ, cảm thông, từ đó vợ chồng xa cách nhau. Do đó, bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Tm yêu cầu được ly hôn với ông Hm; yêu cầu được nuôi con chung tên Trương Pk Uk, sinh ngày 25/3/2008, giao con chung tên Trương Minh Pk, sinh ngày 25/5/2011 cho ông Hm nuôi dạy, mỗi người nuôi một người, không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; nợ chung không có.

*Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Chí Hm trình bày:* Thông nhất với lời khai của bà Tm về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian chung sống, địa điểm chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng cũng có sự mâu thuẫn, mỗi người đều vì cái tôi của mình nên thiếu quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bỏ mặc, mạnh ai nấy sống, không chủ động hàn gắn tình cảm, bà Tm về nhà cha mẹ ruột sinh sống, còn ông Hm ở cùng cha ruột và các con.

Mặc dù vợ, chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng bản thân ông vẫn còn thương vợ nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tm. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung tên Trương Minh Pk, sinh ngày 25/5/2011, giao con chung tên Trương Pk Uk, sinh ngày 25/3/2008 cho bà Tm nuôi dạy, các bên không phải cấp dưỡng qua lại để nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung; nợ chung không có.

Tòa án đã thu thập lời trình bày của cháu Trương Minh Pk có nguyện vọng sống cùng cha, còn cháu Trương Pk Uk có nguyện vọng sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn, bị đơn không đồng ý.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Tm với ông Hm là do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bà Tm, ông Hm xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau. Hơn nữa, năm 2016 bà Tm đã khởi kiện ly hôn nhưng sau đó rút đơn khởi kiện để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc con tuy nhiên đến nay cả hai vẫn chưa có tiếng nói chung, ngồi lại cùng nhau đề ra hướng giải quyết vấn đề còn tồn tại của đôi bên. Từ đó nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, việc bà Tm yêu cầu ly hôn với ông Hm là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: bà Tm và ông Hm xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trương Pk Uk, sinh ngày 25/3/2008 và Trương Minh Pk, sinh ngày 25/5/2011. Quá trình giải quyết vụ án, ông Hm cho biết nếu Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn thì ông đồng ý để bà Tm tiếp tục nuôi dạy cháu Uk, ông nuôi dạy cháu Pk; đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Do đó, căn cứ các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, việc bà Tm yêu cầu được nuôi dạy cháu Uk, ông Hm nuôi dạy cháu Pk là phù hợp quy định pháp luật, cũng như nguyện vọng các cháu. Ghi nhận sự tự nguyện của đôi bên, về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Tm khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hm. Ông Hm cư trú tại số 358, khóm Châu Long 8, phường Châu Phú B, thành phố XYZ, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố XYZ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tm và ông Hm, tự tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Ngươn, thành phố XYZ, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 74/HT, quyển số 01/2007, ngày 10/10/2007 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn niềm tin dành cho nhau, ông Hm mong muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng lại không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi xảy ra mâu thuẫn. Bên cạnh đó, ông Hm thừa nhận vợ, chồng

phát sinh mâu thuẫn trong cách suy nghĩ, quan điểm sống và đôi khi thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, đỉnh điểm là cả hai đã không còn chung sống cùng nhau, mỗi người một nơi, mạnh ai nấy sống. Tại phiên tòa bà Tm kiên quyết xin ly hôn, không muốn sống cùng ông Hm. Điều đó cho thấy, đời sống vợ chồng của bà Tm, ông Hm đã đến mức trầm trọng, tích tụ mâu thuẫn âm ỉ từ lâu, không hàn gắn được, nếu có tiếp tục duy trì hôn nhân thì mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Tm ly hôn với ông Hm theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Tm, ông Hm cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ, chồng có 02 con chung tên Trương Pk Uk, sinh ngày 25/3/2008 và đồng ý giao con Trương Minh Pk, sinh ngày 25/5/2011, bà Tm yêu cầu được nuôi cháu Trương Pk Uk, ông Hm nuôi cháu Trương Minh Pk, mỗi người nuôi một cháu, các bên không phải cấp dưỡng việc nuôi dạy con chung. Ý kiến này của bà Tm đã được ông Hm thống nhất, chấp nhận. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi dạy hai con chung của bà Tm và ông Hm.

Bà Tm, ông Hm cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tm phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0001668 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Xyz. Ông Trương Chí Hm không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Tm.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh Tm được ly hôn với ông Trương Chí Hm.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Tm được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trương Pk Uk, sinh ngày 25/3/2008; ông Trương Chí Hm được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trương Minh Pk, sinh ngày 25/5/2011, các bên không phải cấp dưỡng qua lại về việc nuôi dạy con chung.

Bà Tm, ông Hm cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Giấy chứng nhận kết hôn số 74/HT, quyền số 01/2007, ngày 10/10/2007 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguơn, thị xã (nay thành phố) Xyz, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tm phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0001668 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Xyz. Ông Trương Chí Hm không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh Tm, ông Trương Chí Hm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Xyz (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Xyz (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Thị Ngọc Hà**